

VỀ ĐỜI SỐNG TU TẬP CỦA SƯ SÃI VÀ PHẬT TỬ KHMER NAM BỘ

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG^(*)

Người Khmer vùng Đồng bằng Nam Bộ theo Phật giáo Nam Truyền hay còn gọi là Phật giáo Nam Tông. Ngôi chùa Khmer luôn được xây dựng tại trung tâm của phum sóc và có vai trò quan trọng. Tầng lớp sư sãi Khmer là những người quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm tạo điều kiện để họ làm tốt vai trò của mình trong đời sống cộng đồng tộc người này.

Bài viết này trình bày vài nét về đời sống tu tập của các sư sãi, Phật tử Khmer Nam Bộ.

I. ĐỜI SỐNG TU TẬP CỦA SƯ SÃI KHMER

1.1. Nhập đạo theo giáo luật truyền thống

Những quy định của giáo lí, giáo luật Phật giáo Nam Tông buộc người con trai Khmer phải tu ở chùa một thời gian là một trong những nguyên nhân chính tạo nên tầng lớp sư sãi khá đông đảo. Có những thời kì, số sư sãi Khmer tu hành trong một chùa lên tới hàng trăm người.

Chùa Khmer được tổ chức quản lí một cách chặt chẽ. Mỗi chùa đều có ban quản trị chùa, lo đời sống tinh thần cho nhân dân trong các phum sóc. Đạo Phật

có một ảnh hưởng lớn trong sinh hoạt xã hội của người Khmer, nên vai trò của tầng lớp sư sãi cũng chiếm vị trí đặc biệt. Tầng lớp này sống dựa vào sự đóng góp của nhân dân và được nhân dân rất sùng kính. Sư sãi Khmer không tham gia sản xuất và quản lí xã hội, nhưng tiếng nói của họ luôn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sinh hoạt của phum sóc.

Theo giáo luật Phật giáo Nam Tông, người con trai Khmer nào cũng phải vào chùa tu hành tối thiểu là một tháng. Hết thời gian tối thiểu quy định, họ được quyền tự quyết định việc tiếp tục tu hành ở chùa hay trở về nhà với cuộc sống đời thường. Ai cũng phải đi tu. Vua chúa cũng đi tu như dân chúng. Những người không đi tu sẽ bị coi thường, bị cho là kẻ không có Phật tính, không hiểu đạo lí cuộc sống. Thực tế cho thấy, người con trai Khmer không đi tu rất khó cưới vợ. Đây là quy định có nhiều ảnh hưởng quan trọng đối với người Khmer Việt Nam nói riêng, những tộc người và quốc gia theo Phật giáo Nam Tông nói chung.

Tại một số nước trong khu vực như: Campuchia, Thái Lan, Indonesia,

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Myanmar, Lào..., nhà sư là một nhân vật thiêng, bất khả xâm phạm trong thời gian tu hành. Một nhà sư phạm tội nguy hiểm, pháp luật cũng chỉ truy tố sau khi hội đồng sư sãi đã trực xuất họ ra khỏi đạo. Nhân dân tiếp xúc với nhà sư phải dùng một loại danh từ riêng chứ không phải loại dùng thường ngày.

Với xã hội, nhà sư không tham dự vào các vấn đề chính trị, không được làm chức thư, không được làm chứng trước toà, không được thừa kiện dù có bị chửi mắng, đánh đập, mất trộm, v.v...

Người đã theo tôn giáo khác muốn đi tu đều được chấp nhận, miễn là người ấy từ bỏ đạo cũ và thông hiểu giáo lí nhà Phật, giữ đúng giới luật Phật giáo.

Sư sãi trong chùa Khmer có 2 cấp bậc: Sa Di và Tỳ Kheo. Người mới vào tu, nếu dưới 20 tuổi theo bậc Sadi, trên 20 tuổi theo bậc Tỳ Kheo. Cũng có trường hợp, người nhập tu lớn tuổi nhưng lại chỉ muốn theo bậc Sadi suốt đời. Mỗi cấp bậc được tính theo số giới luật mà nhà sư phải giữ: Sa Di giữ 105 giới, Tỳ Kheo giữ 227 giới.

Nhà chùa chỉ tiếp nhận người nhập tu sau khi đã đủ các điều kiện sau:

- Phải có sự chấp thuận của cha mẹ hoặc vợ (nếu có).

- Phải có tính cách trong sạch, không phạm tội giết người, không phạm tội ăn cắp dù là ăn cắp vặt.

Những vật dụng mà người đi tu phải có là 1 bình bát, 1 bộ tam y cà sa.

Lễ xuất gia được tiến hành cẩn thận. Người đi tu nhờ một vị sư chọn ngày cử hành xuất gia (tránh các tháng 7, 8 và

9 trong năm vì đây là thời điểm các sư sãi tu học trong mùa Hạ); nhờ bè bạn, hay thân nhân cạo đầu, cạo râu, cạo lông mày cho mình. (Sau này, cứ mỗi tháng cạo 2 lần vào 2 ngày trước đêm trăng tròn và 2 ngày trước đêm trăng khuyết).

Trước ngày lễ xuất gia, gia đình người đi tu tổ chức thiết đãi bạn bè và thân quyến để báo tin. Đến giờ khởi hành, người đi tu mặc một cái chăn màu trắng có dắt mối sau lưng (gọi là Sampot), một cặp áo trắng, trên vai trái dắt một cái khăn trắng choàng qua hông, mặt đánh dấu lia côi tục. Ngày xưa, người đi tu cưỡi ngựa từ nhà đến chùa. Con ngựa được gắn yên cương lộng lẫy để ghi ngày Đức Thích Ca xuất gia cũng cưỡi ngựa ra khỏi hoàng thành. Một người cầm cương ngựa, một người cầm lọng che cho nhà sư tương lai. Hiện nay, người nhập tu không dùng ngựa và lọng mà họ đi bộ hoặc ngồi xe đến chùa - nơi hành lễ. Cha mẹ, vợ con, thân quyến và bạn bè mang lễ vật đi phía sau. Một dàn nhạc hoà tấu theo nhịp bước đi. Phía trước có một người mang mặt nạ Chần (Yark), tay cầm gậy, gươm nháy múa có ý cảnh đường đoàn người đến chùa. Đó là hình ảnh tượng trưng của đám quân Chần Mêra cản trở Đức Thích Ca đi tu.

Đoàn người vào chùa, thẳng lên chính điện, nơi có vị sư Cả, sư ópbakchia và 21 vị sư trong chùa chứng kiến buổi lễ.

Người đi tu phải trả lời những câu hỏi của sư ópbakchia như sau:

- Năm nay anh bao nhiêu tuổi?
- Anh đã sắm bình bát để khát thực chưa?

- Áo cà sa của anh có may đúng giáo luật không?

- Anh có vết thương nào trên thân thể không?

- Anh có nói láo không?

- Anh có bị ghê lở không?

- Anh có bị bệnh trĩ không?

- Anh có mắc bệnh hen suyễn không?

- Anh có làm tội tở cho ai không?

- Anh là con trai hay là người đàn ông đã có vợ?

- Anh có được cha mẹ ưng thuận cho đi tu không? (Nếu là người giúp việc thì câu hỏi sẽ là: Người chủ của anh có ưng thuận cho anh đi tu không?)

- Anh có thiếu nợ không?

- Anh có phải phụng sự cho (nhà vua) chính phủ không?

- Anh là người thật chứ không phải là Chằn hay là Rắn?⁽¹⁾, v.v...

Trả lời xong, người đi tu phải đọc những bài kinh đã được học và trả lời những câu hỏi về luật pháp nhà nước trước hai vị sư thông kinh luật nhất trong chùa (gọi là Crou Sốt). Nếu không thuộc kinh Phật, không hiểu biết luật pháp nhà nước, không thoả mãn những câu hỏi của các vị sư sãi thì họ không được nhận vào tu, phải trở về nhà học lại. Nếu vượt qua được cuộc “kiểm tra” này, người được nhận vào tu sẽ được sư Ôpbakchia đặt cho một pháp danh; được mặc áo cà sa, lễ Tam bảo và chính thức trở thành nhà sư.

Nhà sư Khmer không được phép đội mũ, nón, nhưng có thể được che ô bằng vải màu trắng hay vàng. Trước đây, theo giáo luật, nhà sư phải đi chân

không. Nhưng hiện nay, để tránh gai góc và giữ vệ sinh, nhà sư Khmer được phép đi dép nhưng dép không được bít phía trước, đế dép không được cao quá 2 cm; cả phần quai dép và đế dép phải cùng một màu.

Xưa kia, chiếc áo cà sa của nhà sư phải được may từ những mảnh vải lượm ngoài đường có màu đất bụi. Hiện nay, áo cà sa được may bằng nhiều miếng vải và nhuộm màu vàng đậm hoặc vàng nhạt. Khi ở trong chùa hay ở nhà, nhà sư Khmer phải để trần cánh tay phải, khi ra đường thì kéo tay áo trùm lại.

Để tránh mọi sự cảm dỗ, khi có việc cần ra ngoài, dù đi thăm viếng bà con, nhà sư cũng phải đi cùng với một vị đồng đạo. Nhà sư không được vào nhà một mình với một người đàn bà, không được đi chung đường với đàn bà khi con đường ấy vắng bóng người.

Nhà sư ở bậc Sa Di hay Tỷ Kheo đều phải giữ 10 giới chính yếu của đạo Phật là: Không sát sinh, Không trộm cắp, Không tà dâm, Không nói láo, Không uống rượu, Không ăn buổi chiều, Không nghe đàn, xem hát, Không dùng mùi thơm, đeo đồ trang sức, Không ngồi chỗ cao, chỗ đẹp, Không cất giữ tiền bạc.

Mỗi ngày 2 lần, sáng sớm và chiều tối, sư bậc Tỷ Kheo tự xét những việc đã làm trong ngày, cung khai những tội lỗi đã phạm phải trước một vị sư lâu năm hơn, xin hứa không tái phạm. Nếu vị sư làm chứng phạm tội lỗi thì cũng phải nói ra và hứa trước đồng đạo. Đó

1. Theo truyền thuyết, xưa kia có con cạp biển thành người xin quy y để phá rối đạo, nhưng bị Đức Phật Thích Ca phát giác. Sau này, Ngài luôn dặn đệ tử mỗi lần nhận người vào tu phải hỏi câu ấy để tránh những điều không hay.

là tội nhẹ, theo giáo luật, có thể sửa đổi được, còn tội nặng thì không làm như vậy.

Mỗi tháng hai lần vào các ngày 15 và 30, các sư trong chùa tập hợp trên chính điện kiểm điểm những tội lỗi của mình đã phạm phải trong 15 ngày qua. Các sư tụng kinh “Bademốt”, sau đó cứ hai người thành một cặp cung khai tội lỗi của nhau rồi trình lên vị sư Cả. Nếu là tội nhẹ thì nhà sư phạm lỗi phải tụng kinh và hứa với sư Cả sẽ không tái phạm. Vị nào có tội lỗi mà không nói ra sau này bị phát giác thì sẽ bị xử theo giáo luật. Nhìn chung, không có sự tố cáo giữa các nhà sư, vì người tố cáo sẽ phạm giới. Phát hiện thấy đồng đạo lầm lỗi, các nhà sư có thể khuyên bảo nhau với tính cách xây dựng. Nhưng khi một nhà sư phạm trọng tội thì sư khác bắt buộc phải thông báo với sư Cả. Hình phạt cao nhất cho những nhà sư phạm phải trọng tội là bị lột áo đuổi ra khỏi chùa.

Với bậc Sa Di, có 10 tội nặng gồm:

1. Sát sinh: giết người, giết sinh vật cho dù là những sinh vật nhỏ bé.
2. ăn cắp: cho dù là những vật dụng kém giá trị.
3. Tà dâm: quan hệ xác thịt với con người (cùng giới tính, khác giới tính, không rõ giới tính), với thú vật.
4. Nói láo: được chia thành hai dạng: loại vô hại và loại có hại cho người khác cả về vật chất lẫn tinh thần.
5. Uống rượu: những loại nước làm cho tâm trí say sưa nhiễu loạn.
6. Chửi Phạt bảo: chửi rửa hoặc nói những câu tỏ ý khinh Đức Phật.

7. Chửi Pháp bảo: khinh rẻ những lời Phật dạy.

8. Chửi Tăng bảo: chửi mắng, khinh khi các nhà sư.

9. Có ý nghĩ sai lệch: không tin lời Phật mà tin tà giáo.

10. Gian dâm: với Tỷ Kheo Ni.

Với bậc Tỷ Kheo có 4 tội nặng gồm:

1. Gian dâm: quan hệ xác thịt với con người (cùng giới tính, khác giới tính, không rõ giới tính), với thú vật, với ma quỷ biến thành người.

2. Giết người: kể từ một thai nhi mới hình thành.

3. Ăn cắp: kể từ những vật kém giá trị.

4. Nói láo, khoe khoang: ví dụ khoe mình tham thiền, nhập định tới mức đã tiếp xúc được với cõi tiên, đã xuất hồn xuống Âm phủ gặp được người thân quá cố.

Như vậy, hình phạt cho các nhà sư phạm lỗi sẽ căn cứ theo mức độ tội mà họ phạm phải. Đối với bậc Sa Di, hình phạt cho những lỗi nhẹ gồm: bị phơi nắng, đánh đập, cho đá dè, bắt làm công việc nặng nhọc, dọn vệ sinh, v.v... Sau đó, nhà sư đã phạm lỗi phải làm lễ thọ giới lại như lúc mới nhập tu, dưới sự chủ tọa của 4 vị sư cao niên và 1 vị Tỷ Kheo.

Đối với bậc Tỷ Kheo phạm 4 tội nặng kể trên đều phải bị lột áo đuổi ra khỏi chùa, còn với những tội nhẹ hơn thì bị bắt ở riêng: không tiếp xúc với các sư khác, không được đi “lấy bát”⁽²⁾, không được dự các tang lễ trong chùa, không

2. Nhà chùa cấp vật thực mỗi ngày.

được hưởng các vật phẩm do tín đồ cúng dường như cà sa, tứ vật dụng,... Thời gian ở riêng tùy thuộc sự quyết định của vị sư Cả dựa trên mức độ thành khẩn của nhà sư phạm lỗi. Ví dụ, nhà sư phạm tội mà một tháng mới nói ra hoặc mới bị phát giác đều bị phạt ở riêng hàng tháng.

1.2. Phụ nữ Khmer và vấn đề tu hành tại gia

Phụ nữ Khmer không xuất gia vào chùa tu hành như phụ nữ người Việt, người Hoa theo Phật giáo Đại Thừa. Chùa Khmer không nhận phụ nữ tu hành ở chùa và cũng không có chùa riêng cho phụ nữ tu.

Trong lịch sử, khi Đức Thích Ca còn tại thế, ngài có nhận phụ nữ tu gọi là Tỳ Kheo Ni do sự cầu khẩn của bà vú nuôi của ngài, bà Mahabat Chia Batek Potakmey. Tỳ Kheo Ni phải giữ 311 giới, phải học một lớp với Tỳ Kheo Ni cao niên hơn và một lớp với các Tỳ Kheo. Vì phải giữ nhiều giới và tu học lâu năm nên phụ nữ sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống tu tập. Đức Phật Thích Ca trước khi nhập Niết Bàn đã tiên đoán rằng 500 năm sau khi ngài tịch sẽ không còn phụ nữ đi tu.

Như lời tiên đoán của Đức Phật, hơn 2.000 năm nay, Phật giáo Nam Tông không có Tỳ Kheo Ni. Tuy nhiên, phụ nữ Khmer muốn tu hành chỉ nguyện giữ giới là đủ. Phụ nữ đã thọ giới gọi là Dây Chi. Phần đông phụ nữ thọ giới đều đã lớn tuổi, đã tương đối hoàn thành trách nhiệm của mình với gia đình mới tình nguyện đến với Đức Phật để tu tâm dưỡng tánh. Tùy theo hoàn cảnh gia đình, có người giữ giới ở nhà,

có người vào chùa xin cất một cốc nhỏ ở góc sân chùa để tham thiền, niệm kinh và làm công quả. Người ở nhà thì cất cái cốc cạnh nhà. Sau khi phát nguyện, người thọ giới cạo đầu, cạo lông mày, mặc y phục toàn màu trắng hoặc toàn màu đen, làm lễ quy y Tam bảo, trình diện với các sư trong chùa. Người phụ nữ thọ giới được phép trình với sư Cả của chùa nơi thọ giới việc chọn một trong ba cấp giới: Ngũ giới, Bát Quan trai giới và Thập giới.

Ngũ giới là 5 điều cấm: Không ăn cấp, Không sát sinh, Không tà dâm, Không uống rượu, Không nói dối.

Bát Quan trai giới có 8 điều cấm, bên cạnh ngũ giới còn thêm 3 điều: Không ăn buổi chiều, Không ngồi chỗ cao, chỗ đẹp, Không nghe đàn, xem hát.

Thập giới có 10 điều cấm, bên cạnh Bát Quan trai giới còn thêm 2 điều: Không dùng mùi thơm, Không giữ tiền bạc.

Mỗi tháng 4 lần, vào các ngày 8,15, 22, 29 (với tháng thiếu) hoặc các ngày 8, 15, 23, 30 (với tháng đủ), người phụ nữ thọ giới phải trình với sư Cả những tội lỗi của mình đã phạm phải trong những ngày qua. Tùy theo mức độ tội lỗi phạm phải, sư Cả ấn định mức hình phạt: nhẹ thì phải tụng kinh hứa không tái phạm, nặng thì xin làm lễ thọ giới lại như lần đầu.

Với các đối tượng khác, như ông già và trẻ con, đều có thể thọ giới như phụ nữ. Người đàn ông lớn tuổi tự xét thấy mình không thể xuất gia tu hành thì xin thọ giới và ở nhà hoặc ở gần chùa như phụ nữ.

Như vậy, phụ nữ Khmer không tu hành ở chùa vì Phật giáo Nam Tông Khmer không chấp nhận phụ nữ đi tu. Họ, cùng với một số đối tượng khác như ông già và trẻ con, đã chịu ảnh hưởng mạnh tư tưởng triết học Phật giáo. Họ tự nguyện, tự giác theo khả năng của mình tham gia nhiều loại hình hoạt động Phật giáo như: giữ giới, nghe truyền giảng giáo lí, dự lễ hội, bố thí cho sư sãi, v.v...

1.3. Sự biến động của sư sãi Khmer sau năm 1975 đến nay

Từ sau ngày giải phóng Miền Nam năm 1975 đến nay, nhất là từ Đổi mới trở lại đây, vùng Đồng bằng Nam Bộ đã có nhiều đổi thay cơ bản. Những thay đổi này đã tác động mạnh mẽ vào Phật giáo Nam Tông Khmer. Chúng ta có thể nhận ra sự đổi thay của Phật giáo Khmer qua các con số thống kê cụ thể về số lượng người tu hành, độ tuổi tu hành,...

Bảng 1: Số lượng sư sãi Khmer qua các năm

Năm	Dân số Khmer	Số sư sãi Khmer
1975		12.151
1979	700.000 ⁽¹⁾	11.000 ⁽²⁾
1985		8.246
1995		7.500
1999	1.039.832	8.361

(1) Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 1979.

(2). Dẫn theo: Thích Dương Nhơn. *Tham luận của đại diện Hội Sư sãi Khmer yêu nước miền Tây Nam Bộ*, trong: *Kỷ yếu Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo VII*, các ngày 4,5,6,7 tháng 11 năm 1981, tr. 35-36.

Có thể thấy, số lượng sư sãi Khmer giảm dần từ năm 1975 đến năm 1999. Trong tình hình đó, bình quân số sư sãi trong một ngôi chùa Khmer cũng giảm dần.

Bảng 2: Bình quân số lượng sư sãi trong một chùa Khmer qua các năm

Năm	Số sư sãi
1975	29
1985	19
1995	16
1999	13

Hiện nay, số sư sãi Khmer trẻ tuổi ở Đồng bằng Nam Bộ chiếm tỉ lệ rất cao, nhưng trình độ học vấn của họ nhìn chung còn tương đối thấp. Theo những khảo sát thực tiễn của chúng tôi vào các năm 1998 - 1999, 70% số sư sãi Khmer có trình độ cấp I, 10% không biết chữ Quốc ngữ⁽³⁾, một số không nói được tiếng Việt, rất ít thành thạo tiếng và chữ Pali. Đó là những hạn chế lớn cho việc tiếp thu và truyền đạt giáo lí, tổ chức các hoạt động Phật giáo cho tín đồ.

Về các sư sãi trụ trì, quản lí chùa, nhìn chung họ có độ tuổi thấp và có xu thế càng ngày càng giảm, nhất là mấy năm gần đây.

3. Tổng hợp kết quả qua phiếu khảo sát chức sắc các năm 1998-1999.

Bảng 3: Độ tuổi sư sãi Khmer trụ trì chùa hiện nay

Tỉnh	Số chùa báo cáo tổng hợp	Tuổi bình quân sư trụ trì	Độ tuổi và số lượng sư trụ trì					
			20-30	31-40	41-50	51-60	61-70	>70
An Giang	43	34	22	12	2		1	6
Bạc Liêu	6	41	3		3			
Cần Thơ	11	42	5	1	3			2
Cà Mau	5	39	3	2				
Kiên Giang	71	42	33	11	6	2	6	13
Sóc Trăng	43	52	5	8	3	3	5	19
Trà Vinh	12	60	1		5	1	1	4
Vĩnh Long	5	22	20=(1)	1				
			20=(3)					
Chung	196	43	76	38	19	6	13	44
Tỷ lệ			39%	19%	10%	3%	7%	22%

Như vậy, số sư sãi Khmer trụ trì chùa có tuổi bình quân là 43. Sư trụ trì ở độ tuổi 20-30 nhiều gấp 2,05 lần số sư tuổi 31-40, gấp 3,9 lần số sư tuổi 41-50, gấp 13 lần số sư ở tuổi 51-60 và gấp 5,57 lần số sư ở tuổi 61-70.

Thực tế hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi các vị lãnh đạo trong Phật giáo Nam Tông Khmer, cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp có những chính sách, giải pháp để có được một đội ngũ sư sãi Khmer có trình độ cao về Phật học và thế học, đủ độ chín kinh nghiệm trong vị trí người trụ trì, quản lý chùa: dạy giáo lý, tổ chức nghi lễ, quan hệ đối nội, đối ngoại; quản lý cơ sở vật chất với những giá trị lớn về kinh tế, văn hoá, truyền thống, lịch sử.

II. ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO CỦA PHẬT TỬ KHMER

Từ xưa đến nay, đại bộ phận người Khmer theo Phật giáo Nam Tông. Đối với Phật giáo Nam Tông, một người Khmer khi cất tiếng khóc chào đời đã là một Phật tử của hệ phái Phật giáo này. Dân số Khmer không ngừng tăng, nên số tín đồ của Phật giáo Khmer Nam Bộ cũng liên tục phát triển⁽⁴⁾. Dưới triều Nguyễn, dân số Khmer có 146.718 người. Đến năm 1998, dân số của tộc người này đã là 1.046.381 người. Tính đến tháng 6/1999, số Phật tử Khmer là 791.944 người, chiếm 76% dân số⁽⁵⁾. Đức tin và sinh hoạt Phật giáo Nam Tông đã trở thành tập quán của người Khmer. Chùa Phật giáo Khmer là trung

4. Số liệu cụ thể về độ tăng dân số đã nêu ở mục 1.3 về các giai đoạn phát triển của Phật giáo Tiểu thừa ở dân tộc Khmer Nam Bộ.

5. Sự phân định tín đồ không có sự thống nhất về tiêu chí: ở tỉnh Cần Thơ tính từ 15 tuổi trở lên. Các tỉnh khác như: An Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, được tính theo bố mẹ mà không phân biệt độ tuổi.

tâm sinh hoạt tín ngưỡng. Chùa cũng là trung tâm văn hoá, mọi hoạt động lễ hội đều tổ chức tại chùa.

Hàng năm, tín đồ Phật giáo Khmer cùng các sư sãi tập trung tại chùa và cử hành 8 lễ hội lớn, gồm:

1. Lễ Mékabauchia: Lễ Đức Phật cho biết ba tháng nữa sẽ nhập Niết Bàn, vào khoảng đầu tháng 2 dương lịch.

2. Cholchnam: Lễ vào năm mới (tết), vào khoảng giữa tháng 4 dương lịch.

3. Lễ Visakabauchia: Lễ Phật Đản và Lễ Đức Phật nhập Niết Bàn, vào khoảng đầu tháng 5 dương lịch.

4. Lễ Cholvôsa: Lễ nhập Hạ (sư sãi tập trung tu tập 3 tháng trong chùa), vào khoảng đầu tháng 7 dương lịch.

5. Lễ Phchum Ben (hay Đôn-ta): Lễ xá tội vong nhân, vào khoảng giữa tháng 9 dương lịch.

6. Lễ Chanh Vôsa: Lễ xuất Hạ (mãn Hạ), vào khoảng đầu tháng 10 dương lịch.

7. Lễ Ok Angbok: Lễ cúng Trăng, vào khoảng cuối tháng 10 dương lịch.

8. Lễ Katthanh: Lễ dâng y (dâng áo cà sa cho sư sãi), khoảng từ đầu tháng 10 đến giữa tháng 11 dương lịch.

Ngoại trừ Lễ vào năm mới là theo cách tính của Ba La Môn giáo, 7 lễ hội còn lại đều theo cách tính của đạo Phật. Chương trình các lễ hội do sư Cả trong chùa soạn thảo. Trong ngày lễ hội, mọi người quy tụ về ngôi chùa để dự lễ và vui chơi với nhiều trò chơi dân gian, truyền thống của dân tộc mình.

Mọi tín đồ đều gắn bó chặt chẽ với nhà chùa từ những lễ hội lớn cho đến

các công việc hằng ngày của đời sống gia đình. Các vị sư sãi có vai trò và trách nhiệm lớn đối với đời sống của tín đồ. Hầu hết các hoạt động của đời sống thường nhật của tín đồ Phật giáo Khmer, nhất là những công việc quan trọng như: làm nhà, cưới hỏi, tang ma... đều có tham vấn và làm theo sự hướng dẫn của nhà chùa. Mọi tín đồ nghe và coi lời nói của các vị sư sãi như lời của Đức Phật.

Mối quan hệ giữa sư sãi và Phật tử là một mối quan hệ mật thiết và qua lại. Sư sãi là luôn chăm lo phần hồn cho Phật tử. Phật tử có trách nhiệm phục vụ các sư sãi và xây dựng cơ sở nơi thờ tự. Người dân Khmer Nam Bộ trước nay luôn là những tín đồ Phật giáo Nam Tông ngoan đạo.

Trong mấy năm gần đây, Phật giáo Nam Tông Khmer bắt đầu có sự phân hoá. Vì một vài lí do, một số Phật tử Khmer Nam Bộ đã từ bỏ Phật giáo Nam Tông để đi theo các đạo khác. Số người Khmer theo các tôn giáo khác đã lên tới trên 3.000 người, chiếm 0,28% dân số tộc người này⁽⁶⁾.

Đó là một thực tiễn mà những nhà nghiên cứu, người làm công tác quản lí nhà nước về tôn giáo nói riêng, các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước nói chung cần tập trung nghiên cứu một cách thấu đáo để từ đó có những điều chỉnh chính sách cho hợp lí, nhằm giữ gìn sự bình yên, bảo đảm sự phát triển đời sống của các tín đồ, và nhất là ổn định chính trị trật tự an toàn xã hội trong khu vực người Khmer Nam Bộ./.

6. Tính tới tháng 6 năm 1999 tại 8 tỉnh Đồng bằng Nam Bộ